TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/KDTM-PT
Ngày: 16 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiệp

Ông Đặng Chí Công

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thuý Trường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 13 và 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLPT-KDTM ngày 10/11/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (VCB); địa chỉ: Số A T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Tấn V, sinh năm 1983 – Chức vụ: Trưởng Phòng khách hàng thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 - Chi nhánh Q; địa chỉ: Số nhà D L, phường Q, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 20/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP VCB và Văn bản uỷ quyền ngày 03/9/2025 của ông Lê Xuân B - Giám đốc Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q. Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn B; địa chỉ: Khu V P, phường A, tỉnh Gia Lai (địa chỉ cũ: Khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Đức H, sinh năm 1965, chức vụ: Phó giám đốc Công ty TNHH B; địa chỉ: Khu V P, phường A, tỉnh Gia Lai; là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 08/11/2024). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Xuân H1, sinh năm 1956; cư trú tại: Số nhà B T, phường Q, tỉnh Gia Lai (địa chỉ cũ: Số nhà B T, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Xuân H1: Ông Lê Vũ L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà B Hồ N, phường A, tỉnh Gia Lai (địa chỉ cũ: Số nhà B Hồ N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định) là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 23/5/2025). Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 28/7 Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Tấn V trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn B (gọi tắt là Công ty B) có trụ sở tại khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Công ty hoạt động kinh doanh với ngành nghề chính là khai thác, chế biến đá xây dựng.

Công ty bắt đầu quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q (gọi tắt là Ngân hàng) từ năm 2011. Công ty B đã ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay vốn với mục đích: Khai thác, chế biến đá xây dựng. Nội dung cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 2442/2020/HĐHM ngày 18/12/2020:

Số tiền cho vay 6.500.000.000 đồng. Việc giải ngân vốn vay không phụ thuộc vào số lần giải ngân mà chỉ yêu cầu tổng số nợ không vượt quá 6.500.000.000 đồng.

Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các chi phí phục vụ sản xuất chế biến đá xây dựng.

Thời hạn cho vay: 08 tháng kể từ ngày rút vốn vay.

Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của Bên cho vay trong từng thời kỳ.

Thời hạn trả lãi vay: Trả lãi vốn vay trong khoảng thời gian 06 (sáu) ngày được tính từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi (bill lãi); ngày tính lãi là ngày 26 hàng tháng, trường hợp ngày 26 là ngày nghỉ thì ngày tính lãi là ngày làm việc tiếp theo.

Việc giải ngân vốn vay không phụ thuộc vào số lần giải ngân mà chỉ yêu cầu tổng số nợ không vượt quá 6.500.000.000 đồng.

Trong thời gian vay vốn, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D2 lần với tổng số tiền 11.653.416.343 đồng**.** Tổng số tiền gốc và lãi đã trả 6.543.188.877 đồng. Dư nợ gốc là 6.113.322.331 đồng. Tính đến ngày 18 tháng 9 năm 2025, khoản nợ đã phát sinh số tiền lãi nợ lãi trong hạn 1.595.676.686 đồng, nợ lãi phạt quá hạn, phí, 718.910.764 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, giữa Ngân hàng TMCP V1 và Công ty TNHH B ký các hợp đồng thế chấp như sau:

Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 373/2014/HĐTC ngày 18/08/2014, Phụ lục hợp đồng Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 373/2014/HĐTC-PL ngày 25/11/2016: Tài sản thế chấp là công trình xây dựng gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất số 369, tờ bản đồ số 12, diện tích 725m^2, thời hạn sử dụng đất đến tháng 11/2022 tọa lạc tại phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định, bao gồm các hạng mục sau: Nhà quản lý và nhà nghỉ công nhân 265,7m^2. Đối với hợp đồng này, Ngân hàng giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL591528 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/08/2013. Hợp đồng bảo đảm và Phụ lục hợp đồng bảo đảm đã được công chứng tại Văn phòng C. Tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 21/08/2014.

Hợp đồng thế chấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng số: 2504A/2016/HĐTC ngày 22/11/2016: Tài sản bảo đảm là Quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên lô đất thuộc tờ bản đồ số 12, diện tích 66.800m^2, thời hạn sử dụng đất đến ngày 12/06/2032 có địa chỉ tại núi S, xã N, huyện A, tỉnh Bình Định. Lô đất không có số thửa nhưng quyền khai thác được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BĐ879997; số vào sổ cấp GCN: CT00538 ngày 22/07/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 22/07/2011. Đối với Hợp đồng này, Ngân hàng đang giữ bản gốc Hợp đồng thuê đất khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường số 74/HĐ-TĐ ngày 19/07/2011 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BĐ879997; số vào sổ cấp GCN: CT00538 ngày 22/07/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp ngày 22/07/2011. Hợp đồng bảo đảm và Phụ lục hợp đồng bảo đảm đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Thanh Bình. Tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký Giao dịch bảo đảm số đơn: CF16004417BD ngày 24/11/2016.

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số: 2504/2016/HĐTC ngày 17/10/2016: Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị, gồm : 01 Máy xúc lật bánh lốp Hitachi LX 150; 01 máy xúc lật bánh lốp LiuGong ZL50CN. Tài sản bảo đảm này Công ty TNHH B chịu trách nhiệm tự bảo quản và đang sử dụng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH B. Ngân hàng đang giữ bản gốc các hóa đơn, chứng từ chứng minh hình thành tài sản. Tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký Giao dịch bảo đảm số đơn: CE16061758BĐ ngày 18/10/2016.

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số: 4388/2018/HĐTC ngày 23/11/2018: Tài sản bảo đảm: Máy móc thiết bị, gồm: 02 Hệ thống côn nghiền sàng đá. Tài sản bảo đảm này Công ty TNHH B chịu trách nhiệm tự bảo quản và đang sử dụng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH B. Ngân hàng đang giữ bản gốc các hóa đơn, chứng từ chứng minh hình thành

tài sản. Tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký Giao dịch bảo đảm số đơn: CE19000584BĐ ngày 24/11/2018.

Hợp đồng cầm cố sổ/thẻ tiết kiệm số: 4043/2020/HĐCC ngày 10/09/2020: Tài sản bảo đảm là 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của bà Nguyễn Thị Xuân H1. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 08395452 do Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q phát hành.

Khi Công ty phát sinh nợ quá hạn lãi ngày 02/01/2022, Ngân hàng đã liên tục đôn đốc làm việc nhưng Công ty không thanh toán lãi vay cho Ngân hàng. Sau đó, giữa hai bên nhiều lần có văn bản yêu cầu trả nợ nhưng phía Công ty không thực hiện.

Hiện tại các khoản nợ của Công ty đã là nợ xấu tại Ngân hàng.

Căn cứ các nội dung nêu trên, VCB thông qua V1 Chi nhánh Q yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

1. Tuyên hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2442/2020/HĐHM ngày 18/12/2020 ký giữa Công ty TNHH B và Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q là hợp đồng tín dụng duy nhất và hợp lệ trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa Công ty TNHH B và Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q.

2. Tuyên buộc Công ty TNHH B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 18/09/2025 là 8.427.909.781 đồng trong đó 6.113.322.331 đồng nợ gốc, 1.595.676.686 đồng nợ lãi trong hạn, 715.910.764 đồng nợ lãi phạt quá hạn và toàn bộ các khoản lãi, lãi phạt quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi Công ty TNHH B thanh toán xong toàn bộ nợ (gốc, lãi, phí, ...) theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Tuyên kê biên tài sản bảo đảm là:

- Các công trình xây dựng gắn liền với đất được xây dựng và/hoặc tạo lập trên lô đất ký hiệu lô đất: thửa đất số 369, tờ bản đồ số 12, diện tích 725m^2, thời hạn sử dụng đất: đến tháng 11/2022 và có địa chỉ tại: phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL591528 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/08/2013).

- Quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên lô đất ký hiệu lô đất: thửa đất số …, tờ bản đồ số 12, diện tích 66.800m^2, thời hạn sử dụng đất: đến ngày 12/06/2032 và có địa chỉ tại: N, xã N, huyện A, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BĐ879997; số vào sổ cấp GCN: CT00538 ngày 22/07/2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 22/07/2011; Hợp đồng thuê đất khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường số 74/HĐ-TĐ số 19/07/2011).

- Máy móc thiết bị, gồm: 01 Máy xúc lật bánh lốp Hitachi LX 150; 01 máy xúc lật bánh lốp LiuGong ZL50CN thuộc sở hữu của Công ty TNHH B (các hóa đơn, chứng từ chứng minh hình thành tài sản).

- Máy móc thiết bị, gồm: 02 Hệ thống côn nghiền sàng đá thuộc sở hữu của Công ty TNHH B (các hóa đơn, chứng từ chứng minh hình thành tài sản).

- 01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn thuộc sở hữu của bà NGUYỄN THỊ XUÂN H1, bà Nguyễn Thị Xuân H1 đã cầm cố tài sản này để bảo đảm cho dư nợ của Công ty TNHH B tại Ngân hàng.

Để đảm bảo cho toàn bộ nợ vay của Công ty TNHH B. Nếu Công ty TNHH B không trả được toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền đề nghị Quý Tòa kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu phát mãi tài sản bảo đảm nhưng không đủ để thu nợ tại Ngân hàng TMCP V1 thì Công ty TNHH B phải dùng các tài sản khác để trả nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của ông Lê Đức H về việc sai lệch tháng trên hợp đồng tín dụng và yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tín dụng, Ngân hàng có ý kiến như sau:

Căn cứ theo đề xuất cấp lại hạn mức tín dụng, vào ngày 11/11/2020 tại Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh Q có buổi làm việc (Có biên bản làm việc đã được ký giữa 2 bên) về việc ký kết hợp đồng tín dụng năm 2020 – 2021. Vì vậy các hợp đồng tín dụng sẽ đều phát sinh sau thời điểm này.

Trong quá trình soạn thảo hợp đồng và chuyển cho khách hàng ký kết, sau đó thu thập lại hồ sơ để cấp thẩm quyền của Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh Q ký kết, cán bộ ngân hàng để trống chỗ ghi ngày và tháng trên hợp đồng tín dụng, sau khi cấp thẩm quyền ký cụ thể thời điểm nào, cán bộ ngân hàng sẽ điền ngày và tháng vào. Do đó, cán bộ đã ghi nhầm tháng trên hợp đồng là tháng 10 (tháng đúng là tháng 12).

Tất cả các giấy nhận nợ (bao gồm các giấy nhận nợ đã hết dư nợ và còn dư nợ, số lượng giấy nhận nợ do đơn vị thực hiện: 44 giấy nhận nợ) của Công ty TNHH B tại Ngân hàng TMCP VB – Chi nhánh Q đều dẫn chiếu hợp đồng Cho vay theo hạn mức số 2442/2020/HĐHM ngày 18/12/2020 vì vậy việc Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q khởi kiện liên quan đến hợp đồng này là đúng.

Đến thời điểm ngày 18/12/2021, tại công văn số 84/2021/28.7-VCB của Công ty TNHH B gửi cho Ngân hàng TMCP VB - Chi nhánh Q về việc duy trì hợp đồng Cho vay theo hạn mức số 2442/2020/HĐHM, Công ty TNHH B vẫn dẫn chiếu hợp đồng này được ký ngày 18/12/2020.

Ông Lê Đức H là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Công ty TNHH B hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định và đã có lịch sử quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q từ năm 2011 đến nay 2021.

Tình hình quan hệ tín dụng từ khi bắt đầu giao dịch từ năm 2011 đến nay: Công ty quan hệ tín dụng có uy tín với V1 từ khi thành lập đến ngày phát sinh

nợ quá hạn. Luôn trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không phát sinh nợ quá hạn hay nợ xấu, luôn thực hiện đúng những cam kết trong quan hệ tín dụng.

Ngày 18/10/2020 Công ty TNHH B có ký Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2442/HĐHM với Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q để vay theo hạn mức phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong đó gồm tất cả động sản và bất động sản, quyền đòi nợ, hàng tồn kho, tài khoản tiết kiệm của bên thứ ba. Ngoài ra chúng tôi không còn tài sản gì khác và chỉ quan hệ giao dịch duy nhất với Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q.

Tổng tài sản thế chấp của Công ty B1 tất cả động sản và bất động sản là:

Quyền khai thác mỏ: 11.738.048.000 đồng

Xe xúc lật: 313.000.000 đồng

Hai hệ thống côn nghiền sàng: 513.000.000 đồng

Hàng tồn kho: 500.000.000 đồng

Quyền đòi nợ phát sinh: 1.000.000.000 đồng

Sổ tiết kiệm (bà Nguyễn Thị Xuân H1: 50.000.000 đồng)

Tổng cộng: 14.114.048.000 đồng

Ngoài thẩm định giá của Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q, chúng tôi còn có thẩm định giá độc lập của Công ty Cổ phần T theo chỉ định của Ngân hàng V1 - Chi nhánh Q với tổng tài sản hiện tại thời điểm đó là: 14.241.248.000 đồng.

Như vậy tổng tài sản của Công ty gấp đôi số tiền Công ty đang vay nợ tại Ngân hàng.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng 2442/HĐHM Công ty luôn thực hiện tốt tất cả các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, luôn trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không phát sinh nợ quá hạn hay nợ xấu, luôn thực hiện đúng những cam kết trong quan hệ tín dụng. Cụ thể trong thời gian dịch Covid 19, An Nhơn nơi Công ty sản xuất nằm trong vùng giãn cách xã hội không sản xuất kinh doanh được nhưng Công ty vẫn thực hiện việc trả lãi cho Ngân hàng đầy đủ chưa khi nào chậm trễ, mặt khác dù Hợp đồng vay số 2442/HĐHM ngày 18/10/2020 đã hết hạn nhưng công ty thực hiện đúng cam kết cắt giảm dư nợ hàng tháng là 30.000.000 đồng cho V1 và đến nay dư nợ còn lại là: 6.113.322.331 đồng.

Một lần nữa Công ty khẳng định là Công ty đã thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ pháp lý cũng như mọi nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q đối với Hợp đồng 2442/HĐHM.

Sau khi thời hạn hợp đồng hết hạn.

Ngày 18/12/2021 Công ty có gửi Công văn số 84/2021 với thiện chí đề nghị để tiếp tục thực hiện ký hợp đồng tín dụng mới với đề xuất của Công ty

tăng cắt giảm dư nợ từ 30.000.000đ/tháng lên 40.000.000đ/tháng. Mặt khác dù thời hạn hợp đồng tín dụng hết hạn nhưng công ty vẫn thực hiện việc trả lãi vay và giảm dư nợ tháng 11, 12 và kỳ đầu tháng 1/2022 đầy đủ. Sau đó Công ty đã tới phía Ngân hàng nộp tiền lãi nhưng nhân viên Ngân hàng không nhận bảo chờ làm Hợp đồng tín dụng mới rồi mới nộp.

Không những V1 không ký hợp đồng tín dụng mới mà cũng không có ý kiến phản hồi nêu rõ nguyên nhân không cho vay cho Công ty biết mà tự đơn phương chấm dứt hợp đồng và cũng không thông báo, thanh lý hợp đồng nên Công ty không thể xoay chuyển vốn kinh doanh và không có nguồn thu để trả nợ cho ngân hàng vì đây là hợp đồng tín dụng luân chuyển nên bản chất tài chính và sản xuất kinh doanh thì nó luôn kế thừa và xuyên suốt từ năm này sang năm khác theo tính chất luân chuyển vốn trong sản xuất kinh doanh nên khi V1 không tiếp tục ký hợp đồng hạn mức mới thì đồng nghĩa với việc VCB Quy Nhơn cắt đứt dòng tiền luân chuyển với Công ty.

Trước sự việc gây khó khăn, sách nhiễu của V1, Công ty bế tắc nguồn vốn để trả nợ đến hạn vì nếu trả nợ mà không vay lại được thì nguồn vốn ở đâu Công ty B sản xuất kinh doanh trong lúc tài sản đã thế chấp cầm cố hết tại Ngân hàng. Ngoài ra lúc này dịch Covid 19 bùng phát mạnh, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề theo tình hình chung của kinh tế cả nước nên không thể xoay sở được từ nguồn nào khác để trả nợ vay đến hạn của các hợp đồng tín dụng.

Đứng trước áp lực nói trên, Công ty không còn cách nào khác đã làm đơn gia hạn một số khoản nợ vay sắp đến hạn để có thời gian cố gắng xử lý nên ngày 10/01/2022 Công ty làm đơn gia hạn nợ vay, nhưng phía Ngân hàng không có ý kiến trả lời cho Công ty có gia hạn nợ được hay không.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q có Giấy mời Công ty đến Ngân hàng để làm việc nhưng thời điểm đó đang bị dịch Covid 19, giám đốc bị F1 đang cách ly không thể làm việc được và Công ty cũng mời lại Lãnh đạo Ngân hàng lên Công ty làm việc nhưng phía Ngân hàng cũng không lên làm việc và trả lời cho Công ty.

Nhận thấy sự không hợp tác từ phía Ngân hàng nên đến ngày 01/3/2022 Chúng tôi có Đơn khiếu nại số 03/2022/28/7-VCB đến ông Phạm Quang D Chủ tịch Ngân hàng TMCP VCB và Ngân hàng N - Chi nhánh Q đề nghị Lãnh đạo Ngân hàng thẩm tra, xác minh và trả lời cho chúng tôi bằng văn bản.

1. Vì sao Công ty B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay, chưa từng phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu tại VCB, có đầy đủ tài sản bảo đảm và tài sản bảo đảm có giá trị lớn hơn rất nhiều so với giá trị khoản vay nhưng VCB ngừng quan hệ tín dụng, gây khó khăn, sách nhiễu cho công ty.

2. Công ty B đã có văn bản đề nghị tiếp tục ký hợp đồng tín dụng mới nhưng V1 không ký và cũng không có văn bản nêu rõ nguyên nhân, trả lời từ chối cho công ty biết để chủ động cho kế hoạch trả nợ vay mà tự đơn phương chấm dứt hợp đồng.

3. Khi gặp khó khăn tài chính do không luân chuyển được vốn và ảnh hưởng của dịch Covid 19 nhưng VCB gây khó khăn không gia hạn nợ theo quy định của Ngân hàng N và cũng không có văn bản trả lời cho Công ty biết là có đồng ý hay không đồng ý gia hạn nợ.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q có Giấy mời Công ty đến Ngân hàng để làm việc.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, Công ty có công văn số 03/2022 trả lời Công ty chờ kết quả xử lý Đơn thư khiếu nại rồi mới làm việc với Ngân hàng.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q có Giấy mời Công ty đến Ngân hàng để làm việc vào ngày 31/3/2022.

Ngày 29/3/2022 vì Lãnh đạo Ngân hàng TMCP (không có văn bản trả lời chính thức cho Công ty nên Chúng tôi đã làm Đơn khiếu nại (lần 2) số 03/2022/CV28/7-VCB với nội dung đề nghị giải quyết các vướng mắc đã nêu của Đơn khiếu nại (lần 1) và Công ty cũng trình bày cụ thể về các điều kiện và tiêu chí để được cấp tín dụng mới như:

1. Công ty B có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự,

2. Nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích sản xuất đá xây dựng tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp ngân sách đầy đủ để phát triển kinh tế xã hội cho đất nước.

3. Phương án kinh doanh, sử dụng vốn hợp pháp và khả thi;

4. Có khả năng tài chính để trả nợ.

5. Tại thời điểm đề nghị vay vốn phân loại nợ: Nợ đủ tiêu chuẩn- Nhóm lạ

6. Có đầy đủ tài sản để đảm bảo nợ vay

7. Thực hiện đầy đủ tất cả các cam kết về cắt giảm dư nợ cũng như cung cấp thông tin về sử dụng vốn vay, tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh...

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 Công ty có làm Công văn số 5/2022/28.7 gửi đến ông Nguyễn Quang D1 Chủ tịch HĐQT VCB nội dung Công ty T1 đề nghị Ngân hàng xem xét tái ký hợp đồng.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty có công văn số 04/2022 trả lời về Giấy mời họp của Ngân hàng nội dung chờ kết quả xử lý Đơn thư khiếu nại của Công ty.

Ngày 24/5/2022, Công ty làm Đơn kiến nghị

Ngày 7 tháng 9 năm 2022, Công ty và phía Ngân hàng có cuộc họp và với thiện chí mong muốn ký kết hợp đồng tín dụng mới Công ty chúng tôi đề xuất tăng cắt giảm dư nợ từ 30 triệu đồng/tháng lên thành 50 triệu đồng/tháng (tăng hơn 20 triệu so với đề xuất trước đây).

Ngày 7/11/2022 Chúng tôi và Ngân hàng đã làm việc với nhau tại văn phòng Giám đốc của Ngân hàng V1 - Chi nhánh Q, phía Ngân hàng yêu cầu chúng tôi trả nợ gốc trong 3 năm nhưng theo tính toán của Chúng tôi thì chúng

tôi đề nghị 5 năm vì ngoài trả nợ cho Ngân hàng chúng tôi còn phải đóng các loại thuế cho nhà nước, trả lương công nhân, sửa chữa máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất. Sau đó nhân viên tín dụng có đề nghị lên 4 năm chúng tôi cũng không đồng ý. Tại cuộc họp này Công ty đề nghị Ngân hàng lập biên bản làm việc nhưng phía Ngân hàng V1 không lập biên bản cụ thể. Việc này chứng tỏ Ngân hàng V1 xem thường khách hàng cố ý gây khó khăn.

Việc Công ty B có công văn, đơn khiếu nại, đơn kiến nghị gởi đến Hội sở VCB với thiện chí ký kết hợp đồng tín dụng mới nhưng phía Ngân hàng vẫn chưa có văn bản chính thức trả lời cho Công ty B2 về việc có tiếp tục ký kết hợp đồng mới hay không? Vậy mà phía Ngân hàng V1 lại kiện công ty ra Tòa.

1. Về thiện chí:

Công ty TNHH B rất thiện chí trong việc ký kết hợp đồng tín dụng mới với Ngân hàng V1 bằng chứng cụ thể như sau:

Khi Hợp đồng 2442/HĐHM ngày 18 tháng 10 năm 2020 sắp hết hạn Công ty đã nhiều lần điện thoại hối thúc với nhân viên tín dụng ngân hàng thực hiện việc ký kết mới và chúng tôi tự giác đề nghị tăng mức giảm dư nợ từ 30 triệu/tháng lên 40 triệu/tháng nhưng V1 đã viện nhiều lý do sách nhiễu gây khó khăn không hợp tác với công ty C1 và không ký hợp đồng tín dụng mới mặc dù công ty chúng tôi đáp ứng đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng như sử dụng vốn đúng mục đích, giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn nhiều lần dư nợ vay. Thời điểm này tình hình sản xuất kinh doanh của chúng tôi bình thường, luôn trả nợ gốc và lãi đúng hạn cho VCB Quy Nhơn nhưng phía Ngân hàng vẫn không trả lời. Bức xúc với việc trên Công ty cũng đã làm nhiều công văn, đơn khiếu nại, đơn kiến nghị gởi đến ông Phạm Quang D Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V2 (Hội sở V2), Ngân hàng N về việc chúng tôi thực hiện đầy đủ mọi tiêu chí cho việc thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng mới nhưng phía ngân hàng từ Hội sở đến Ngân hàng V1 đều im lặng không trả lời.

Tất cả việc trên đều chứng tỏ Công ty chúng tôi rất là thiện chí mong muốn ký kết hợp đồng tín dụng mới để ổn định sản xuất.

Công ty B đề nghị Tòa xem xét lại mọi sự việc để xét xử một cách thẳng thắng, công bằng và bảo đảm quyền lợi chính đáng cho Công ty với những phân tích của Chúng tôi như sau:

Công ty nhận thấy việc Ngân hàng V1 - Chi nhánh Q kiện Công ty ra Tòa với nội dung Công ty bắt đầu quan hệ với Ngân hàng từ năm 2011. Đến cuối năm 2021 do ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn dẫn đến nợ quá hạn tại Ngân hàng. Đây là điều hoàn toàn sai sự thật, vu khống, bạo biện của Ngân hàng vì trong thời gian bị giãn cách xã hội nhưng Công ty vẫn thực hiện việc đáo hạn và trả lãi vay đầy đủ chưa khi nào bị chậm trễ. Sau thời gian hết giãn cách Công ty cũng thực hiện đầy đủ mọi điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Nếu Ngân hàng cho rằng đến cuối năm 2021 do ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn dẫn đến nợ quá hạn tại

Ngân hàng thì chúng tôi yêu cầu Ngân hàng C2. Chúng tôi nhận thấy cách làm việc của Lãnh đạo Ngân hàng là quan liêu chèn ép doanh nghiệp không tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng này đều xuất phát một phía từ Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q. Phía Ngân hàng luôn gây khó khăn, sách nhiễu viện nhiều lý do vô lý để ngừng quan hệ tín dụng với chúng tôi.

Từ những trình bày trên chúng tôi khẳng định Ngân hàng V1 chi nhánh Q đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty B và vi phạm nghiêm trọng Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về hợp đồng tín dụng:

a. Công ty từ trước đến nay chỉ quan hệ giao dịch với 1 Ngân hàng duy nhất là V1 - Chi nhánh Q, toàn bộ tài sản của Công ty gồm động sản và bất động sản đều thế chấp cầm cố cho Ngân hàng, ngoài ra chúng tôi không còn tài sản nào khác.

b. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng 2442/HĐHM ngày 18 tháng 10 năm 2020 Công ty luôn thực hiện tốt tất cả các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, luôn trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không phát sinh nợ quá hạn hay nợ xấu, luôn thực hiện đúng những cam kết trong quan hệ tín dụng. Chúng tôi khẳng định là Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ pháp lý cũng như mọi nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng của Hợp đồng 2442/HĐHM ngày 18 tháng 10 năm 2020.

c. Việc Ngân hàng không ký hợp đồng tín dụng mới mà đơn phương kiện Công ty B ra Tòa và cũng không thông báo cho chúng tôi bằng văn bản cụ thể về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng do vậy Ngân hàng là bên có lỗi đã vi phạm nghiêm trọng điều khoản của hợp đồng tín dụng, Thông tư của Ngân hàng N, Bộ luật dân sự 2015 và Luật thương mại 2005:

Vi phạm vào Điều 10.2.3 của Hợp đồng tín dụng là "Khi chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay…".

Vi phạm Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 - Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay, tổ chức tín dụng phải thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

+ Vi phạm khoản 2 Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2015 “Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường".

+ Vi phạm Điều 315 Luật thương mại năm 2005: “Bên tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc huỷ bỏ hợp đồng phải thông

báo ngay cho bên kia biết về việc tạm ngừng, đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng. Trong trường hợp không thông báo ngay mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường thiệt hại".

Nếu như V1 - Chi nhánh Q thông báo cho Công ty bằng văn bản cụ thể việc chấm dứt hợp đồng và tiến tới thanh lý hợp đồng thì doanh nghiệp chúng tôi sẽ tìm mọi cách trả nợ và rút toàn bộ hồ sơ thế chấp để vay mượn nơi khác để phục vụ sản xuất tránh thiệt hại cho Công ty.

Nếu như tại thời điểm đó Ngân hàng T2 hợp đồng và phát mãi tài sản theo định giá của Ngân hàng và công ty thẩm định giá sau khi trừ nợ vay số tiền còn lại trả cho Công ty thì Công ty sẽ không phát sinh tiền lãi và tiền nợ quá hạn.

d. Việc Ngân hàng V1 không thông báo cho Công ty việc chấm dứt cho vay và đưa Công ty vào nhóm nợ xấu nên Công ty không thể làm thủ tục để vay mượn với các Ngân hàng khác được. Chính việc này đã trực tiếp đưa Công ty lâm vào hoàn cảnh khó khăn không có tiền để sửa chữa thiết bị, sản xuất bị đình trệ, không có tiền trả lương cho người lao động và đóng các khoản thuế cho Nhà nước.

e. Công ty đề nghị Tòa cần xem xét và làm rõ Hợp đồng 2442/HĐHM giữa Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q và Công ty TNHH B.

Ngân hàng TMCP V1 – Chi nhánh Q khởi kiện Công ty TNHH B đã xuất trình cho Tòa bản Hợp đồng 2442/2020/HĐHM ngày 18/12/2020, còn bên Công ty TNHH B cũng xuất trình cho Tòa bản hợp đồng cùng số, cùng ngày, cùng năm nhưng khác tháng (số 2442/2020/HĐHM ngày 18/10/2020. Chúng tôi nhận thấy đây là việc đáng xem xét bởi lẽ cùng một hợp đồng cùng số hiệu, cùng ngày, cùng năm nhưng khác tháng như vậy thì hợp đồng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật, vi phạm Điều 126, 127 và Điều 134 luật dân sự năm 2015 do không tuân thủ quy định về hình thức

Để hợp đồng có tính pháp lý cao, các bên tham gia cần thiết phải lập quy định rõ ràng, chi tiết để đảm bảo sự thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các điều kiện được quy định trong hợp đồng, thời hạn này có hiệu lực của HĐKT là khoảng thời gian để các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong HĐ tính từ khi HĐ có hiệu lực pháp luật đến khi mà các bên đã thỏa thuận là HĐKT phải thực hiện xong.

Hợp đồng của Công ty là tháng 10 trong khi của Ngân hàng tháng 12 (chênh lệch 2 tháng) như vậy là HĐ không tuân thủ theo các điều kiện có hiệu lực do pháp luật quy định nên không có giá trị về pháp lý. Hợp đồng này không tuân thủ quy định về hình thức (theo Điều129 Bộ luật dân sự 2015).

Do đó, đề nghị Tòa xem xét tuyên bố hợp đồng 2442/2020/HĐHM ngày 18/10//2020 là vô hiệu.

3/ Về lãi suất:

Ngày 10/01/2024, Công ty có gửi đến Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đơn yêu cầu xem xét về lãi suất nhưng Tòa không quan tâm và việc Bản án sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 28/3/2024 còn buộc Công ty phải trả toàn bộ cho Ngân hàng các khoản lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp với quy định của pháp luật vì:

+ Việc phát sinh lãi và nợ lãi quá hạn đều xuất phát lỗi từ phía Ngân hàng chứ không phải lỗi từ Công ty B vì chúng tôi đã làm công văn, đơn khiếu nại, đơn kiến nghị gửi đến Ngân hàng TMCP ((Hội sở) và Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q nhưng phía Ngân hàng chưa có văn bản thông báo chính thức trả lời cho Công ty được biết là có cho công ty được tiếp tục vay nữa hoặc không cho vay. Việc này là hoàn toàn không phù hợp với quy định của pháp luật và ngân hàng Đ tự ý chấm dứt hợp đồng hạn mức mà không thông báo, không thanh lý hợp đồng cho Công ty bằng một văn bản cụ thể nào.

+ Việc Ngân hàng đơn phương tự chấm dứt Hợp đồng hạn mức thì Ngân hàng không được tính lãi suất thời điểm sau khi Hợp đồng 2442/HĐHM chấm dứt vì lỗi này hoàn toàn thuộc về Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q.

+ Ngân hàng tự đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng mà không thông báo không thanh lý hợp đồng cho công ty bằng văn bản cụ thể cũng nhằm mục đích kéo dài thời gian tính lãi ép công ty phải lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Điều này là không hợp pháp, không đúng theo Luật pháp quy định, vi phạm đạo đức kinh doanh.

Với sự việc trên Chúng tôi gửi đến Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xem xét khi xét xử cần xác định phần lãi suất và nợ lãi quá hạn theo tính toán và đề nghị của Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q mà chỉ tính đến thời hạn Ngân hàng không cho Công ty tiếp tục vay tiền và làm hợp đồng hạn mức mới (thời hạn Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q đơn phương chấm dứt hợp đồng).

4/ Về thiệt hại:

Ngày 29/02/2024 Công ty TNHH B có làm Đơn yêu cầu phản tố gởi đến Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

Ngày 20/5/2024 Công ty TNHH B có làm Bảng tính chi tiết thiệt hại gởi đến Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Nay Công ty TNHH B xin bổ sung như sau:

1- Công ty B từ trước đến nay chỉ quan hệ giao dịch với 1 Ngân hàng V1 Chi nhánh Quy Nhơn toàn bộ tài sản của Công ty gồm động sản và bất động sản đều thế chấp cầm cố cho Ngân hàng, ngoài ra chúng tôi không còn tài sản nào khác. Do vậy khi Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng chúng tôi không còn tài sản nào khác để cầm cố thế chấp vay tiền ở Ngân hàng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh.

2- Việc Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng tín dụng đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, luân chuyển vốn lưu động tại đơn vị gặp rất nhiều khó khăn như:

- Máy móc thiết bị tại mỏ theo môi trường đặc thù là có độ hao mòn lớn, sửa chữa chi phí không nhỏ, bị đình trệ do thiếu vốn lưu động từ hoạt động tín dụng này. Sản xuất bị gián đoạn hoặc đình trệ, chi phí vốn bị mất kiểm soát

Để tồn tại, đảm bảo hoạt động SXKD vì đơn vị bị mất kiểm soát vốn lưu động, dòng tiền trong hoạt động tài chính buộc doanh nghiệp phải vay, mượn nguồn tài chính bên ngoài gây ra thiệt hại vô hình rất lớn.

Việc không vay được tiền để đầu tư nâng cấp thiết bị, mở rộng sản xuất nên sản lượng khai thác của công ty S.

Các hợp đồng lớn bị hủy bỏ do không đáp ứng được các điều khoản trong hợp đồng về thời gian cung cấp đầy đủ sản lượng dẫn đến doanh thu bị sụt giảm.

- Ngoài ra trong thời gian bị gián đoạn sản xuất Công ty cũng phải đóng tất cả các loại thuế cho Nhà nước, đóng bảo hiểm xã hội và công ty T3 cho công nhân do lỗi hoàn toàn của bên Ngân hàng gây ra nên Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường cụ thể:

- Căn cứ vào Điều 11, khoản 11.4.2 của hợp đồng tín dụng "Bồi thường thiệt hại cho khách hàng: Ngân hàng phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho khách hàng trong trường hợp Ngân hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho khách hàng".

- Căn cứ Khoản 2 Điều 428 Bộ luật dân sự 2015 quy định "Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường".

- Căn cứ Điều 315 Luật thương mại năm 2005: "Bên tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc tạm ngừng, đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng. Trong trường hợp không thông báo ngay mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường thiệt hại".

Việc Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng, không thông báo cho chúng tôi bằng Văn bản đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến hiệu quả SXKD và doanh thu tài chính của Công ty, Ngân hàng đã vi phạm nên buộc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Về hoạt động khai thác khoáng sản 2 năm như sau:

Từ tháng 10/2021 đến 12/2021 khai thác: 6.320m^3 đá xô bồ

Từ tháng 01/2022 đến 12/2022 khai thác: 38.812m^3 đá xô bồ

Từ tháng 01/2023 đến 9/2023 khai thác: 34.555 m^3 đá xô bồ

Tổng cộng sản lượng khai thác: 79.687m^3 đá xô bồ

(Tổng cộng: 79.687m^3 đá xô bồ quy đổi ra đá nguyên khai 67.734m^3)

Công suất được phép khai thác: 47.058m^3/năm x 2 năm = 94.116m^3

Thiệt hại không khai thác: 67.734m^3/94.116m^3 đạt 71,97%

Công suất hoạt động khai thác sụt giảm: 28.03% tương đương 26.382m^3

Thiệt hại doanh thu khai thác: 26.382m^3 x 220.000 đồng/m^3= 5.804.040.000 đồng.

b. Thiệt hại do thiếu vốn sản xuất kinh doanh

Mặc dù thời gian SX bị gián đoạn, máy móc hoạt động không hết công suất, Công ty vẫn phải nộp tiền thuế đất và tiền cấp quyền 2 năm: 1.940.398.868 đồng.

Ngoài ra hàng tồn kho luôn ở mức cao, vì các hợp đồng lớn không ký kết dẫn đến sản lượng tiêu thụ chậm, doanh thu sụt giảm

+ Doanh thu bình quân 3 năm chỉ đạt (2021,2022,2023): 9.367.546.517 đồng

+ Hàng tồn kho bình quân 3 năm (2021,2022,2023): 13.867.859.433 đồng

+ Các khoảng tiền lương trả người lao động: 2.864.874.667 đồng

+ Chi phí hoạt động khai thác chế biến mất cân đối tài chính: 5.208.129.757 đồng.

Từ nguyên nhân Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng cho Công ty đã gây thiệt hại hữu hình và vô hình ước tính thiệt hại được xây dựng như sau:

Chậm thanh toán các khoản nghĩa vụ với nhà nước: 1.940.398.868 đồng dẫn tới phát sinh khoản xử phạt vi phạm hành chính do chậm nộp.

Chậm trả thanh toán người lao động: 2.864.874.667 đồng ảnh hưởng thu nhập, tiền công tiền lương và phát sinh tranh chấp hợp đồng.

Lỗ vô hình và hữu hình từ hoạt động SXKD: 5.208.129.757 đồng do doanh thu sụt giảm khó bù đắp do đình trệ khai thác chế biến.

Vậy tổng thiệt hại của doanh nghiệp trong 2 năm.

Thiệt hại doanh thu tối thiểu: 5.208.129.757 đồng

Thiệt hại hoạt động khai thác 5.804.040.000 đồng

Tổng cộng: 11.012.169.575 đồng (Mười một tỷ không trăm mười hai triệu một trăm sáu chín ngàn năm trăm bảy lăm đồng)

Đây là toàn bộ giải trình chi tiết thiệt hại của Công ty TNHH B do V1 - Chi nhánh Q tự đơn phương chấm dứt việc ký kết hợp đồng tín dụng mới và không thanh lý hợp đồng đã gây thiệt hại trực tiếp đến doanh thu tài chính của Công ty chúng tôi.

Do vậy Công ty TNHH B đề nghị Tòa án cần buộc Ngân hàng TMCP V1 - chi nhánh Q phải bồi thường thiệt hại cho Công ty vì lỗi này hoàn toàn thuộc về bên Ngân hàng gây ra.

Ông Lê Vũ L là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân H1 trình bày:

Thống nhất như trình bày và yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH B.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai quyết định:

Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các Điều 117, 126, 127, 295, 298, 299, 303, 304, 306, 307, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH B phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền 8.427.909.781 đồng (tám tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu chín trăm lẻ chín nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng) trong đó 6.113.322.331 đồng nợ gốc, 1.595.676.686 đồng nợ lãi trong hạn, 718.910.764 đồng nợ lãi phạt quá hạn.

Kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2442/2020/HĐHM ngày 18/12/2020 trên số nợ gốc tương ứng cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp Công ty TNHH B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2442/2020/HĐHM ngày 18/12/2020 thì Ngân hàng TMCP (có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp gồm các tài sản sau:

Tài sản gắn liền với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 12, diện tích 725,0m^2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL591528 ngày 07/8/2013 theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 373/2014/HĐTC ngày 18/8/2014, phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 373/2014/HĐTC-PL ngày 25/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP V1 và Công ty TNHH B, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/8/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Định.

Quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng của Bên thế chấp gắn liền với thửa đất …, tờ bản đồ số 12, diện tích 66.800,0m^2 đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ tại núi S, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định theo Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng số 50/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 13/6/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ879997, số vào sổ cấp GCN CT00538 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 22/7/2011; theo Hợp đồng thế chấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng số 2504A/2016/HĐTC ngày 22/11/2016 giữa Ngân hàng TMCP V1 và Công ty TNHH B; đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo số đơn CF16004417BD ngày 24/11/2016 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Máy móc thiết bị, gồm: 01 Máy xúc lật bánh lốp Hitachi LX 150; 01 máy xúc lật bánh lốp LiuGong ZL50CN thuộc sở hữu của Công ty TNHH B theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 2504/2016/HĐTC ngày 17/10/2016 giữa Ngân hàng TMCP V1 và Công ty TNHH B, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/10/2016 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Máy móc thiết bị, gồm: 02 Hệ thống côn nghiền sàng đá theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 4388/2018/HĐTC ngày 23/11/2018 giữa Ngân hàng TMCP V1 và Công ty TNHH B, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo số đơn: CE19000584BD ngày 24/11/2018 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Thẻ tiết kiệm số có kỳ hạn số thẻ 08395452 do Ngân hàng TMCP V1 - Chi nhánh Q phát hành cho bà Nguyễn Thị Xuân H1 theo Hợp đồng cầm cố sổ/thẻ tiết kiệm số 4043/2020/HĐTC ngày 10/9/2020 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Xuân H1.

Trường hợp tại thời điểm phát mại có tài sản gắn liền với đất phát sinh thì cũng được xử lý để Ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 bằng các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty TNHH B cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2442/2020/HĐHM ngày 18/12/2020. Trường hợp Công ty TNHH B thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả các giấy tờ thế chấp cho Công ty TNHH B. Trường hợp tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm nếu có người khác đang thực tế sinh sống hoặc đang quản lý sử dụng thì những người này cũng phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản để thi hành án.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Trong các ngày 27/9/2025 và ngày 02/10/2025 bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 28/7 Bình Định kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ngày 23/10/2025 Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) B làm đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề:

Giám định thẩm tra làm rõ vì sao hai hợp đồng có cùng số hiệu, cùng ngày, cùng năm nhưng khác tháng (cần giám định lại);

Xác định rõ lỗi của bên Ngân hàng trong việc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thông báo cho Công ty và xem xét thiệt hại của công ty để buộc

Ngân hàng phải bồi thường;

Xác định lại thời gian của việc tính lãi suất; việc thẩm tra định giá tài sản của Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng không nêu rõ giá trị tài sản từng loại là không đúng quy định của pháp luật;

Giá trị các tài sản mà Công ty thế chấp cho Ngân hàng có giá trị cao hơn khoản nợ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét để khấu trừ nợ cho Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật;

Xem xét trả lại sổ tiết kiệm cho bà Nguyễn Thị Xuân H1; xem xét thời gian giao bản án của cấp sơ thẩm cho công ty có đúng theo quy định pháp luật không.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Đại diện hợp pháp của bị đơn rút một phần kháng cáo đối với các nội dung kháng cáo: Xem xét thời gian giao bản án của cấp sơ thẩm cho công ty có đúng theo quy định pháp luật không; việc thẩm tra định giá tài sản của Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng không nêu rõ giá trị tài sản từng loại là không đúng quy định của pháp luật;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bị đơn, sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH B thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 18/09/2025 là 8.427.909.781 đồng, trong đó 6.113.322.331 đồng nợ gốc, 1.595.676.686 đồng nợ lãi trong hạn, 715.910.764 đồng nợ lãi phạt quá hạn và toàn bộ các khoản lãi, lãi phạt quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2442/2020/HĐHM ngày 18/12/2020 cho đến khi Công ty TNHH B thanh toán xong toàn bộ nợ (gốc, lãi, phí, ...) theo hợp đồng tín dụng nêu trên; tuyên kê biên tài sản bảo đảm để thi hành án trong trường hợp bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn Công ty TNHH B không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do: Công ty TNHH B có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự; nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích sản xuất đá xây dựng tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp ngân sách đầy đủ để phát triển kinh tế xã hội cho đất nước; có phương án kinh doanh, sử dụng vốn hợp pháp và khả thi; có khả năng tài chính để trả nợ; tại thời điểm đề nghị vay vốn phân loại nợ: Nợ đủ tiêu

chuẩn - Nhóm lạ; Có đầy đủ tài sản để đảm bảo nợ vay và thực hiện đầy đủ tất cả các cam kết về cắt giảm dư nợ cũng như cung cấp thông tin về sử dụng vốn vay, tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 29/02/2024 Công ty TNHH B có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật của nguyên đơn gây ra. Tại bản tự khai ngày 21/11/2024 cũng như các biên bản hoà giải tiếp theo bị đơn đều có yêu cầu Toà án giải quyết buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn với số tiền là 11.012.169.575 đồng. Yêu cầu này của bị đơn khác với yêu cầu của nguyên đơn và được đưa ra trước thời điểm Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; đây được xác định là yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 200 của BLTTDS nhưng Toà án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết yêu cầu này của bị đơn là giải quyết không toàn diện, triệt để vụ án, vi phạm nghiêm trọng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2] Từ những thiếu sót nêu trên của cấp sơ thẩm nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH B, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án bị hủy nên nghĩa vụ chịu án phí sẽ được xử lý khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Tiền tạm ứng chi phí tố tụng khác sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3, Điều 308; Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH B, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Toà án

nhân dân khu vực 2 - Gia Lai. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm, tiền tạm ứng chi phí tố tụng khác sẽ được xử lý khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH B không phải chịu. Hoàn trả cho bị đơn Công ty TNHH B 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004111 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 2 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Duy